

Số: **14** /CTHĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **08** tháng 3 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Kết luận số 168-KL/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Kết luận số 168-KL/TU ngày 4/11/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Sau đây gọi là Kết luận 168-KL/TU), UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 168-KL/TU với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kết luận 168-KL/TU về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm, huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự đồng hành của doanh nghiệp và sự đồng thuận, chủ động, quyết tâm người dân trong tái cơ cấu nông nghiệp nhằm chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

2. Yêu cầu

Bám sát các nội dung của Kết luận 168-KL/TU, xác định được những nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên thực hiện. Phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện Kết luận đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời.

Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp. Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Căn cứ Chương trình hành động này, các Sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; Tổ chức kiểm tra, giám sát; Bổ sung, cập nhật những nhiệm vụ, giải pháp mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn đảm bảo tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Kết luận 168-KL/TU đã đề ra.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, địa phương về tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt, phổ biến rộng rãi các nội dung của Kết luận 168-KL/TU. Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về sự cần thiết và tầm quan trọng của việc tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, các cấp, ngành, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo và phối hợp thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp nhằm vận động cán bộ, hội viên, đoàn viên, người dân tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp.

Các cơ quan thông tin, truyền thông tích cực tuyên truyền các chủ trương, cơ chế chính sách của Trung ương, địa phương về tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tuyên truyền những mô hình hay, cách làm hiệu quả, những cá nhân điển hình để nhân ra diện rộng. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp, có cách làm hay, sáng tạo; mô hình tiêu biểu trong thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp.

2. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch

Hoàn thành rà soát, tích hợp các phương án định hướng phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào quy hoạch ngành, lĩnh vực quốc gia, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch chung của tỉnh giai đoạn 2021-2030. Hoàn thành quy hoạch vùng huyện gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030.

Các địa phương trên cơ sở mục tiêu định hướng của tỉnh, tiềm năng lợi thế của các vùng miền, cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Bố trí phù hợp diện tích sử dụng đất, phê duyệt các vùng trồng, vùng nuôi tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với nhà máy chế biến.

Ban hành cơ chế, chính sách; huy động, bố trí, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả quy hoạch sau khi được phê duyệt. Tăng cường công tác quản lý thực hiện quy hoạch, đảm bảo quy hoạch được thực thi có hiệu quả, hạn chế trường hợp phá vỡ hoặc điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách

Kịp thời cụ thể hóa, bố trí nguồn lực và lồng ghép, thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của địa phương đã được ban hành áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025.

Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách để thực hiện đạt các mục tiêu tái cơ cấu ngành. Trong đó tập trung vào các chính sách như: Chính sách tích tụ, tập trung đất đai và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; Chính sách ưu đãi, thu hút, khuyến khích doanh nghiệp có tiềm lực hợp tác đầu tư trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; Hỗ trợ chế biến sâu; Phát triển lâm nghiệp bền vững; Chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh trong xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu thí

điểm thực hiện các chính sách bảo hiểm trong nông nghiệp đối với các lĩnh vực rủi ro cao như: Trồng rừng, nuôi trồng thủy sản. Chính sách về ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; Chính sách đổi mới nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)...

4. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp đảm bảo liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiện đại với quy mô sản xuất hàng hóa lớn, hội nhập kinh tế quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu

Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm chủ lực; cơ sở hạ tầng kết nối các vùng trồng, vùng nuôi tập trung quy mô lớn, ưu tiên đường giao thông, hệ thống cấp nước, điện đến các vùng trồng, vùng nuôi tập trung để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị.

Nâng cấp, hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo an ninh nguồn nước phục vụ cho sản xuất và định hướng phục vụ đa mục tiêu trong điều kiện ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Chú trọng đầu tư hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, dân sinh tại các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng nhiễm mặn, chua phèn và khu vực khó khăn, khan hiếm nước.

Hoàn thiện hạ tầng phòng, chống thiên tai, ưu tiên củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại các khu vực xung yếu, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, ứng phó với thiên tai để phục vụ sản xuất, dân sinh và các hoạt động khác.

Huy động mọi nguồn lực để đầu tư hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch tập trung, ưu tiên cho các vùng khan hiếm, khó khăn, ô nhiễm nguồn nước, khu vực miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, bãi ngang ven biển, biên giới, hải đảo.

Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ đáp ứng yêu cầu trong quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao hiệu quả sản xuất ngành lâm nghiệp. Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết với vùng nguyên liệu quy mô lớn, tập trung gắn với nhà máy chế biến. Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão.

5. Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Tổ chức điều tra đánh giá thực trạng hoạt động của tất cả hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh làm cơ sở xây dựng kế hoạch đổi mới và phát triển hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả. Khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy các hợp tác xã tham gia chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản, phát triển sản phẩm OCOP. Ưu tiên phát triển HTX nông, lâm nghiệp, thủy sản... Tạo cơ chế cho các hợp tác xã tiếp cận các nguồn vốn tín dụng. Tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình hợp tác xã kiểu mới hoạt động có hiệu quả. Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ hợp tác xã.

Khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp nông thôn; Hỗ trợ thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn liên kết với nông dân thông qua vai trò của HTX để dẫn dắt chuỗi giá trị và phát triển thị trường, hình thành các mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị thực sự bền vững.

Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Chú trọng đào tạo kỹ thuật, tay nghề bậc cao cho lao động nông nghiệp, nông thôn; đào tạo lực lượng lao động trẻ các kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, tập trung đào tạo “nông dân số”. Chú trọng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường, chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn và nội ngành nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa ngành nghề ở nông thôn. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục các ngành, nghề đào tạo, phát huy hiệu quả sản xuất với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Quan tâm đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu, chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ quản lý ngành nông nghiệp và PTNT, hình thành đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực như: Ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi số trong nông nghiệp, tiếp cận và ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng lần thứ tư.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại; Hỗ trợ hình thành các mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp, gắn sản xuất với tiêu thụ, xây dựng các chuỗi liên kết thực sự bền vững.

Chuyển giao, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông dân, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác giống, quy trình sản xuất, công nghệ sinh học, bảo quản, chế biến sâu, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, chứng nhận về an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn chất lượng (*HACCP, GMP, GAP các loại, hữu cơ...*), cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, xây dựng thương hiệu, chứng nhận sản phẩm OCOP cho sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Phát triển các mô hình nông lâm thủy sản kết hợp, mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái.

Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, số hóa cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tích hợp với cơ sở dữ liệu tỉnh, quốc gia. Ứng dụng công nghệ số trong dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch; Tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác. Hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất nắm bắt thông tin, dự báo, điều chỉnh phương án sản xuất, kết nối thị trường, xúc tiến thương mại thông qua các phần mềm, nền tảng thương mại điện tử.

Kết nối, tổ chức cho doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế; đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tạo điều kiện hình thành, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thực sự bền vững. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư hình thành trung tâm phát triển nông nghiệp tinh theo hướng liên doanh liên kết. Tổ chức các sàn giao dịch nông sản hàng hóa gắn với vùng nguyên liệu và chế biến

sản phẩm nông nghiệp.

8. Bố trí, huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành

Huy động tối đa nguồn ngân sách Trung ương, nguồn vốn của các chương trình, dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình đầu tư có mục tiêu, nguồn vốn từ các chương trình MTQG, các chương trình dự án khác trong và ngoài nước đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm thực hiện đảm bảo mục tiêu đề ra.

Hàng năm, bố trí đảm bảo nguồn ngân sách địa phương (*tỉnh, huyện*) để thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành và thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

Tăng cường các hình thức hợp tác công tư, xã hội hóa, khuyến khích, có chính sách hỗ trợ, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đảm bảo đầu tư hiệu quả, đúng trọng tâm, trọng điểm.

9. Thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên các lĩnh vực theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

a) Cơ cấu lại ngành trồng trọt

Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tập trung, sản xuất theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên, công nghệ cao gắn với công nghiệp bảo quản, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm, tiến tới xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Tích cực rà soát, chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao. Tổ chức sản xuất theo các quy trình chất lượng, an toàn thực phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng.

Tích cực dồn ghép, tập trung ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nhằm tạo đột phá về năng suất chất lượng và tăng giá trị trên đơn vị diện tích.

Trong đó, chú trọng:

+ Tuân thủ các biện pháp nhằm bảo vệ và ổn định diện tích đất trồng lúa; hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, hữu cơ, canh tác tự nhiên, liên kết với các doanh nghiệp, huy động đầu tư nhà máy chế biến và xây dựng thương hiệu gạo hữu cơ Quảng Trị.

+ Sử dụng các biện pháp canh tác bền vững trên đất dốc, ổn định diện tích sản nguyên liệu, tăng cường ứng dụng các biện pháp canh tác xen canh, sản xuất bền vững.

+ Nâng cao chất lượng và giá trị cây công nghiệp dài ngày; phát triển diện tích hồ tiêu, cà phê sản xuất theo hướng có chứng nhận theo các tiêu chuẩn chất lượng; tiếp tục duy trì và ổn định diện tích cao su.

+ Khai thác tiềm năng lợi thế vùng miền, hình thành các vùng cây ăn quả, dược liệu tập trung; Phát triển trồng dược liệu dưới tán rừng; Hình thành các vườn ươm dược liệu để chủ động nguồn giống.

b) Cơ cấu lại ngành chăn nuôi

Tập trung nâng cao chất lượng vật nuôi chủ lực; phát triển theo hướng trang trại công nghiệp quy mô vừa, lớn; ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.

Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp hợp tác, liên kết chế biến sâu và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chăn nuôi Quảng Trị.

Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ gắn chặt với bảo đảm môi trường, kết hợp với phát triển chăn nuôi hữu cơ, sinh thái, đặc sản, đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường tiêu dùng. Giảm dần và tiến đến thực hiện không chăn nuôi trong nội thành nội thị theo lộ trình.

Tăng cường công tác quản lý con giống; kiểm soát, phòng chống dịch bệnh; quản lý về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi; đầu tư các cơ sở giết mổ gia súc tập trung theo lộ trình.

c) Cơ cấu lại ngành thủy sản

Tiếp tục phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh, tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới; phát triển nuôi theo hướng hữu cơ, sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP) để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

Đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi, tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực, đối tượng nuôi mới gắn với liên kết theo chuỗi giá trị. Tăng cường quản lý các vùng nuôi, đặc biệt là nuôi tôm trên cát, đảm bảo môi trường, an toàn dịch bệnh. Phát triển các cơ sở sản xuất giống thủy sản đáp ứng nhu cầu và chủ động nguồn giống cung ứng trên địa bàn.

Cơ cấu lại đội tàu phù hợp, đảm bảo khai thác đúng vùng, đúng tuyến theo quy định của Luật Thủy sản; gắn khai thác với bảo tồn, bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái biển. Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại, nghề mới cho ngư dân để nâng cao năng lực đánh bắt. Tuyên truyền, vận động ngư dân tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Thủy sản về khai thác, đánh bắt.

Khuyến khích phát triển dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Phát triển các cơ sở chế biến sâu sản phẩm thủy sản, nâng cao tỷ trọng sản phẩm chế biến đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm có sức cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

d) Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp

Tập trung quản lý và bảo vệ tốt vốn rừng hiện có, đặc biệt là rừng tự nhiên; chú trọng bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, đầu nguồn, rừng phòng

hộ biên giới, rừng phòng hộ ven biển, bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng. Khuyến khích, hướng dẫn các chủ rừng xây dựng và thực hiện hiệu quả phương án quản lý rừng bền vững. Tăng cường các biện pháp lâm sinh nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng. Đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới để tăng nguồn thu, như: Dịch vụ du lịch sinh thái, tín chỉ các-bon rừng.

Tiếp tục duy trì và phát triển diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Chuyển mạnh phát triển rừng sản xuất gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn để tạo vùng nguyên liệu rừng chất lượng phục vụ cho công nghiệp chế biến. Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất. Phát triển và kết nối doanh nghiệp thu mua, chế biến lâm sản ngoài gỗ có lợi thế trên địa bàn tỉnh nhằm tạo sinh kế cho người dân địa phương, đặc biệt là người dân sống gần rừng (hạt trâu, song mây, nhựa thông, ...).

Phát triển các cụm công nghiệp ngành gỗ và chế biến lâm sản tại những nơi có khả năng cung cấp đủ nguyên liệu, ổn định, giao thông thuận lợi, kết cấu hạ tầng đồng bộ; Tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu, tập trung phát triển các mặt hàng sản phẩm có ưu thế cạnh tranh như: đồ gỗ nội thất, đồ mộc mỹ nghệ; đẩy mạnh chế biến ván nhân tạo đảm bảo chất lượng để cung ứng cho nhà máy sản xuất đồ nội thất, giảm dần chế biến dăm gỗ xuất khẩu. Phấn đấu đưa tỉnh Quảng Trị trở thành một trong những Trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp để chỉ đạo thực hiện; Tham mưu sơ kết, tổng kết chương trình hành động.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh huy động, lồng ghép, cân đối, bố trí kế hoạch vốn đầu tư trung hạn, hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ trong chương trình hành động sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan để thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào nông nghiệp nông thôn hướng đến nền nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn. Chủ trì, phối hợp với các Sở

Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, hoàn thiện sản phẩm đối với các sản phẩm hàng hóa nông sản thế mạnh trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

5. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở ngành có liên quan tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách thúc đẩy tiêu thụ nông sản theo chuỗi liên kết bền vững; hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định; Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng hóa nông, lâm, thủy sản; Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, nhu cầu nhập khẩu các nước để định hướng cho sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản về các sản phẩm chủ lực của tỉnh đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất. Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất chính sách khuyến khích dồn ghép, tập trung đất đai phục vụ sản xuất quy mô lớn và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường trong khu vực nông nghiệp nông thôn.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Tham mưu thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động về kỹ năng, trình độ phù hợp, bắt kịp công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, thông tin trên địa bàn tuyên truyền sâu rộng mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết về thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong thời gian tới theo tinh thần Kết luận số 168-KL/TU và các văn bản có liên quan.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Quảng Trị: Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản. Thực hiện các giải pháp sớm giải quyết, xử lý các tồn đọng, khó khăn trong thu hồi nợ vốn vay đóng tàu theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố thị xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách về kinh tế tập thể; Thực hiện nhiệm vụ tư vấn, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho các Hợp tác xã, Liên hợp tác xã; Củng cố tổ chức hoạt động, nâng cao năng lực quản lý điều hành cho các Hợp tác xã, Liên hợp tác xã.

11. Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý. Phối hợp thực hiện các nội dung của Chương trình hành động, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc để Chương trình hành động được thực hiện có hiệu quả.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh chỉ đạo các cấp hội, đoàn thể phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, chính quyền cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, người dân tích cực tham gia, thực hiện Kế hoạch này; đồng thời lồng ghép các nội dung của Kế hoạch với các chương trình, đề án có liên quan của đơn vị để thực hiện. Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã: Căn cứ vào nội dung chương trình hành động, xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể ở địa phương; Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, tỉnh, đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Bố trí, huy động, lồng ghép các nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

Định kỳ 6 tháng, hằng năm, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để chỉ đạo thực hiện. / *Phc*

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy (B/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT_{Phc} *tc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo CTHTĐ số: 14 /CTHTĐ-UBND ngày 08 /3/2022 của UBND tỉnh)



STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
A	THAM MUỘN XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ; THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030				
I	QUY HOẠCH VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH				
1	Rà soát, tích hợp quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT vào quy hoạch tỉnh	Sở kế hoạch và Đầu tư	Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2022
2	Hoàn thành quy hoạch vùng huyện, trong đó ưu tiên bố trí hợp lý diện tích sử dụng đất các vùng trồng, vùng nuôi tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên - Môi trường, Các sở, ngành liên quan	Quy hoạch vùng huyện được phê duyệt	Năm 2022
II	CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN				
1	Tín dụng				
-	Chính sách quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi sinh kế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Trị; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2022

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
2	Đất đai				
-	Chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên – Môi trường; Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2022
-	Rà soát tích hợp, bổ sung các Dự án phát triển nông nghiệp, các vùng quy hoạch tập trung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030	UBND các huyện thành phố thị xã;	Sở Tài nguyên – Môi trường; Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Quyết định của UBND tỉnh; Nghị quyết HĐND tỉnh	Hàng năm và giai đoạn 2021-2030
3	Thu hút đầu tư				
-	Chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo quy định của Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT; các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Số doanh nghiệp/ dự án được hỗ trợ	Giai đoạn 2022-2025
-	Đề án định hướng thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm trong đó ưu tiên thu hút lĩnh vực nông lâm, thủy sản	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh; các sở, ngành, địa phương liên quan	Đề án được UBND tỉnh phê duyệt	Giai đoạn 2022-2025
-	Thực hiện các hoạt động quảng bá, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm xúc tiến đầu tư	Các sở, ngành địa phương liên quan	Số dự án được cấp phép đầu tư vào nông nghiệp	Giai đoạn 2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	lâm, thủy sản	tư, thương mại và du lịch tỉnh			
4	Khoa học công nghệ				
-	Giải pháp nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nông, lâm, thủy sản hướng đến nền nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái gắn với cuộc cách mạng CN 4.0 và nông nghiệp số, kinh tế số	Sở Khoa học - Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã		Giai đoạn 2022-2025
5	Xúc tiến thương mại, đảm bảo kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ; ứng dụng thương mại điện tử; đăng ký bảo hộ, xây dựng thương hiệu nông sản				
-	Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nông sản nhằm tiêu thụ sản phẩm địa phương; Chủ động, tham gia tích cực các diễn đàn thương mại điện tử.	Sở Công thương	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh; Các sở, ngành, địa phương liên quan	Số doanh nghiệp sản xuất chế biến nông sản được hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm tại các kênh phân phối; số sản phẩm được đưa lên sàn giao dịch TMĐT	Giai đoạn 2022-2025
-	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, phát triển hoàn thiện sản phẩm để kết nối các kênh phân phối	Sở Công thương	Trung tâm xúc tiến đầu tư – Thương mại và Du lịch tỉnh; các sở, ngành, địa phương liên quan	Số sản phẩm được hỗ trợ xây dựng thương hiệu, kết nối các kênh phân phối	Giai đoạn 2022-2025
-	Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Số Doanh nghiệp được hỗ trợ	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	vào hoạt động chế biến nông sản				
6	Đào tạo nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn				
-	Ban hành danh mục nghề cho giai đoạn 2021- 2025	Sở Lao động-TB và XH	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Quyết định danh mục nghề của UBND tỉnh	Năm 2022
-	Kế hoạch đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Sở Lao động-TB và XH	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2022
-	Chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, các Sở, ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2023
7	Nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức trong nông thôn				
-	Chính sách về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Liên minh HTX; các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nghị quyết HĐND tỉnh	Năm 2022
III	THAM MƯU BAN HÀNH CÁC CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA NGÀNH				
1	Lĩnh vực Trồng trọt				
-	Đề án/Kế hoạch phát triển cây dược liệu	Sở Nông nghiệp	Các Sở, ngành liên quan,	Đề án/Kế hoạch của	Năm 2022

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	gắn với chương trình OCOP tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	và PTNT	UBND các huyện, thành phố, thị xã.	UBND tỉnh	
-	Đề án chuyển đổi số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Đề án của UBND tỉnh	Năm 2022
-	Kế hoạch chuyển đổi các loại cây trồng phù hợp với từng vùng miền, thích ứng biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2023
2	Lĩnh vực Chăn nuôi				
-	Đề án tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Đề án của UBND tỉnh	Năm 2022
-	Quyết định của UBND tỉnh quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2022
3	Lĩnh vực Thủy sản				
-	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Quyết định của UBND tỉnh được ban hành	Năm 2022
-	Kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành	Năm 2022

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
-	Kế hoạch phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững tỉnh Quảng Trị đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành	Năm 2022
-	Kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành	Năm 2022
4	Lĩnh vực Lâm nghiệp				
-	Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Đề án được phê duyệt	Năm 2022
-	Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện: Hải Lăng, Triệu Phong, Cam Lộ, Vĩnh Linh, Gio Linh.	Kế hoạch triển khai thực hiện theo Đề án của Bộ Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2022- 2025	Năm 2022
-	Kế hoạch phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ, chế biến hạt trâu theo chuỗi giá trị trên địa bàn 02 huyện Hướng Hóa, Đakrông tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện Hướng Hóa, Đakrông	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2022
5	Lĩnh vực Phát triển nông thôn				
-	Kế hoạch phát triển chuỗi giá trị cho một số sản phẩm chủ lực của tỉnh giai đoạn 2022 -	Sở Nông nghiệp	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch của	Năm 2022

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	2025, định hướng đến năm 2030.	và PTNT		UBND tỉnh	
-	Kế hoạch đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX và các ngành địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2022
-	Chính sách phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị tư vấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2022
6	Lĩnh vực Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản				
-	Kế hoạch duy trì, xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông sản, thủy sản an toàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Các Sở, ngành liên quan - UBND huyện, thành phố, thị xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2022
7	Lĩnh vực Thủy lợi, phòng chống thiên tai, nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn				
-	Chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã,	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2022
-	Quy định về “Tổ chức và hoạt động lực lượng quản lý đề nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã,	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2023
-	Kế hoạch thực hiện “Chiến lược quốc gia	Sở Nông nghiệp	Các Sở ban, ngành liên	Quyết định ban hành	Năm 2022

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” giai đoạn 2022-2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	và PTNT	quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã,	Kế hoạch của UBND	
-	Triển khai các dự án cấp nước khu vực nông thôn nhằm đảm bảo tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt mục tiêu đề ra.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức thủy lợi cơ sở và các đơn vị liên quan	Xây dựng mới, nâng cấp các công trình hiện có nhằm đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho người dân	Giai đoạn 2022-2025
B	TIẾP TỤC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH				
1	Nghị quyết 105/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Kế hoạch – Đầu tư	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra	Giai đoạn 2021-2025
2	Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐND về hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra	Giai đoạn 2022-2025
3	Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành	Thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra	Giai đoạn 2022-2026

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026		phố thị xã		
4	Nghị quyết số 160/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của UBND tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi (khu vực không được phép chăn nuôi), quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra	Giai đoạn 2022-2025
5	Nghị quyết số 161/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 quy định mức hỗ trợ và ngân sách bố trí cho công tác khuyến nông và thú y trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra	Giai đoạn 2022-2030
6	Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND Quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026	Sở Khoa học - Công nghệ	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố thị xã	Thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra	Giai đoạn 2022-2026
7	Đề án 6060/ĐA-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về khôi phục đàn lợn sau dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra	Giai đoạn 2021-2025
8	Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày	Sở Nông nghiệp	UBND các huyện, thành	Thực hiện đảm bảo	Giai đoạn

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	28/12/2018 của UBND tỉnh về Quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, định hướng đến năm 2040	và PTNT	phố, thị xã	các mục tiêu đề ra	2022-2030
9	Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt đề án “Nâng cao chất lượng, phát triển giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt đề án phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2019 -2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra	Giai đoạn 2022-2025
10	Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 5/10/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “Ứng phó tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030”	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã, Các Sở ban, ngành liên quan	Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp kịp thời xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh	Giai đoạn 2022-2030